

Bản án số: 24/2018/HNGĐ-ST
Ngày 26/9/2018
V/v: Ly hôn giữa chị Tĩnh, anh Dương.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẾ VÕ, TỈNH BẮC NINH**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có;

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Sỹ Cây.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thế Sách, cán bộ hưu xã Nhân Hòa, huyện Quế Võ.
2. Bà Nguyễn Thị Chung, cán bộ hưu thị trấn Phố Mới, huyện Quế Võ.

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Khắc Thử, Thư ký Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quế Võ tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Quỳnh Hương, Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 9 năm 2018 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh xét xử sơ thẩm vụ án thụ lý số 131/2018/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 2 năm 2018 về “Tranh chấp về hôn nhân và gia đình”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 28/2018/QĐST- HNGĐ, ngày 10 tháng 8 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Tĩnh, sinh năm 1982. (có mặt)

Cư trú: Thôn Mộ Đạo, xã Mộ Đạo, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh.

Bị đơn: Anh Nguyễn Dương, sinh năm 1980. (tên gọi khác Nguyễn Bình Dương) có mặt.

STQ: Thôn Mộ Đạo, xã Mộ Đạo, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ông Nguyễn Thái, sinh năm 1954, bà Nguyễn Thị Mùi, sinh năm 1955 (bà Mùi là vợ ông Thái, ủy quyền cho ông Thái) (ông Thái có mặt)

Cư trú: Thôn Mộ Đạo, xã Mộ Đạo, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và lời khai của các đương sự có trong hồ sơ thì các đương sự thống nhất khai như sau:

Chị Nguyễn Thị Tĩnh kết hôn với anh Nguyễn Dương vào tháng 5/2004, kết hôn do hai bên tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Mộ Đạo, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh. Sau khi làm lễ cưới vợ chồng về chung sống và đã có với nhau 03 con chung. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng sau đó dần dần cuộc sống vợ chồng cũng đã nảy sinh mâu thuẫn.

Theo chị Tĩnh trình bày: Sau khi kết hôn, vợ chồng chị về chung sống cùng với gia đình nhà chồng được khoảng 01 năm thì được gia đình cho ra ở riêng. Vợ chồng chung sống hạnh phúc cùng nhau được khoảng 08 năm thì có mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh Dương có quan hệ nam nữ ngoài luồng nhiều, anh Dương hay đi chơi bởi bên ngoài mà ít chăm lo để ý đến vợ con. Anh Dương quan hệ bên ngoài rất nhiều, hết cô này đến cô khác. Việc anh Dương có quan hệ như vậy đã ảnh hưởng trầm trọng đến cuộc sống của vợ chồng chị. Khi anh Dương như vậy về nhà luôn tìm cách có tài sản gì là đem đi bán để lấy tiền đi tiêu sài, anh Dương đã nhiều lần lấy xe máy của chị đem đi bán lấy tiền cho gái. Trong cuộc sống vợ chồng, anh Dương đối xử với chị cũng rất khắc nghiệt, không cho chị được một chút tự do nào. Chị thường ngày đi làm công nhân ở khu công nghiệp Quế Võ nhưng anh Dương còn không cho chị dùng xe máy để đi mà bắt chị phải đi xe đạp. Anh Dương còn vu cho chị đi ngoại tình này khác trong khi chị chỉ một lòng với gia đình, với chồng con. Anh Dương đối xử với chị cũng rất bạo lực, đã nhiều lần anh Dương đánh đập chị, việc anh đánh đập chị người trong gia đình, hàng xóm đều biết nhưng do anh Dương tính hung bạo nên cũng không ai dám can ngăn, góp ý gì được. Có lần anh trai chị vì thương và lo cho chị đã xuống để đón chị về nhà anh ở thì anh Dương còn dùng cả dao để đâm anh trai chị, không cho anh trai đón chị về nhà. Hiện nay chị vẫn phải ở cùng với anh Dương vì anh Dương không cho chị về, anh Dương nói chị vẫn là vợ không cho đi đâu và còn đe dọa nếu chị mà về thì sẽ làm cho sống dở chết dở. Nay chị Tĩnh thấy không thể tiếp tục chung sống với anh Dương được nữa nên chị đề nghị Tòa án giải quyết để chị được ly hôn anh Dương.

Về con chung: Chị Tĩnh trình bày vợ chồng có 03 con chung là các cháu Nguyễn Thị Yến Nhi, sinh ngày 01/2/2006, cháu Nguyễn Tuấn Anh, sinh ngày 16/10/2007 và cháu Nguyễn Thị Yến Linh, sinh ngày 14/12/2011. Hiện nay cả ba cháu cũng vẫn đang ở cùng với bố mẹ. Ly hôn chị Tĩnh đề nghị được trực tiếp nuôi cả ba con chung, nếu được nuôi con chung chị yêu cầu anh Dương phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị với mức từ 1.000.000 đồng đến 1.500.000 đồng/1 cháu/1 tháng đến khi các con đủ tuổi thành niên.

Về tài sản chung: Về đất ở; Vợ chồng sau khi lấy nhau khoảng được 01 năm thì ra ở riêng. Lúc đầu vợ chồng ở cùng nhà của bố mẹ chồng, sau khi ra ở riêng thì ở trên nhà đất khác. Kể từ thời điểm ra ở riêng đến nay vợ chồng chị ở và sử dụng thửa đất số 337, tờ bản đồ địa chính số 10 đất thôn Mộ Đạo, xã Mộ Đạo, huyện Quế Võ. Thửa đất này đã được UBND huyện Quế Võ cấp sổ đỏ mang tên vợ chồng chị từ năm 2011 với diện tích 391.1m². Nguồn gốc thửa đất này là của các đời trước nhà chồng chị để lại, sau đó khi vợ chồng ra ở riêng thì bố mẹ chồng chị đã cho vợ chồng sử dụng. Về nhà ở và các công trình xây dựng trên đất; Sau khi được gia đình cho ra ở riêng vợ chồng chị có làm được 01 ngôi nhà nhỏ lợp Plôximăng ở cạnh đường để ở tạm. Đến khoảng năm 2008- 2009 vợ chồng có làm được 01 ngôi nhà trần 01 tầng kiểu nhà ống với diện tích khoảng 70m². Sau khi làm nhà vợ chồng chị còn tiếp tục làm các công trình phụ trợ như sân gạch, tường bao, cổng ngõ. Khi làm ngôi nhà này tiền chủ yếu là tiền bán ruộng tiêu chuẩn của anh Dương, ngoài ra vợ chồng chị cũng có đóng góp cũng như gia đình cũng có hỗ trợ thêm. Đến năm 2016 vợ chồng tích

cóp làm được khối công trình phụ liền kề bao gồm nhà bếp, nhà tắm, nhà vệ sinh. Nay ly hôn chị đề nghị Tòa án phân chia tài sản chung của vợ chồng gồm toàn bộ khối tài sản nhà đất như đã được Tòa án thẩm định, định giá. Phần cây cối lâm lộc trên đất cũng như số vật dụng sinh hoạt trong gia đình chị không yêu cầu Tòa án phân chia. Trong thời gian chuẩn bị xét xử, chị Tĩnh đề nghị khi phân chia tài sản chung được sử dụng một phần nhà đất để lấy chỗ ăn ở sau này chăm lo cho con cái. Tại phiên tòa chị thấy rằng chị không thể tiếp tục sống trên thửa đất này được nữa nên chị đề nghị Tòa án giải quyết để anh Dương được sử dụng nhà đất nhưng phải trích chia cho chị bằng tiền.

Phía anh Nguyễn Dương trình bày: Tại biên bản ghi lời khai ngày 4/4/2018 anh Dương trình bày, anh Dương xác nhận việc vợ chồng kết hôn và chung sống với nhau như chị Tĩnh đã trình bày là đúng. Tuy nhiên anh cho rằng vợ chồng cũng không có mâu thuẫn gì lớn, mâu thuẫn vợ chồng chỉ phát sinh kể từ tháng 10/2017 lý do là có lần anh đi đón chị Tĩnh đi làm về thì hai bên có xảy ra to tiếng, chị Tĩnh đã gọi cho anh trai đến và giữa anh với anh trai chị Tĩnh có xảy ra xô xát với nhau. Kể từ đó thì vợ chồng cũng có điều nọ tiếng kia nhưng cũng không đến mức trầm trọng lắm. Nay chị Tĩnh có yêu cầu ly hôn, anh thấy tình cảm vợ chồng vẫn có thể hàn gắn được nên anh không nhất trí ly hôn như yêu cầu của chị Tĩnh.

Về con chung: Anh Dương xác nhận vợ chồng có 03 con chung như chị Tĩnh đã khai, anh có ý kiến nếu vợ chồng phải ly hôn thì anh đề nghị được nuôi cháu Nguyễn Thị Yến Nhi và cháu Nguyễn Tuấn Anh. Nếu được chấp nhận yêu cầu, anh đề nghị chị Tĩnh phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh.

Về tài sản chung: Trong thời gian chuẩn bị xét xử, Tòa án đã nhiều lần thông báo cho anh Dương đến Tòa làm việc để lấy lời khai về phần tài sản chung của vợ chồng, tuy nhiên anh Dương không đến và có đến cũng không khai về phần tài sản của vợ chồng, anh Dương không có ý kiến gì về phần giải quyết phân chia tài sản chung của vợ chồng. Tại buổi làm việc ngày 16/8/2018 anh Dương cũng chỉ trình bày vợ chồng đang ở trên thửa đất của bố mẹ anh, không phải của vợ chồng anh, các tài sản là nhà cửa trên đất cũng không phải của vợ chồng nên anh không chấp nhận ý kiến của chị Tĩnh đòi chia nhà đất.

Phía người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Thái, bà Nguyễn Thị Mùi do ông Thái đại diện trình bày: Ông là bố đẻ của anh Nguyễn Dương, liên quan đến việc giải quyết ly hôn giữa chị Tĩnh và anh Dương ông đứng ra đại diện để giải quyết vụ việc tại Tòa. Năm 2004 vợ chồng ông xây dựng gia đình cho anh Dương, chị Tĩnh, sau đó vợ chồng ở chung với gia đình nhà ông đến khoảng năm 2007- 2008 thì được gia đình cho ra ở riêng, ở trên thửa đất số 337, tờ bản đồ số 10. Ban đầu vợ chồng ở ngôi nhà lợp Plôximăng, sau đó được khoảng 1-2 năm gì đó thì cả gia đình có tập chung làm ngôi nhà trần như bây giờ để vợ chồng ở. Khi làm nhà theo ông thì vợ chồng cũng không có tiền để làm mà ông đã phải bán 2 sào ruộng lấy tiền làm nhà, việc làm nhà cũng là do cả gia đình tập chung vào làm chứ vợ chồng cũng không có tiền. Nhà làm lúc đó chưa trát, sau này vợ chồng ở thì đã trát và vôi ve. Về phần đất ở theo ông thì thửa đất có nguồn gốc từ đời cha ông cụ kỵ để lại cho

bố mẹ ông. Sau này bố ông đã cho đào một phần đất để lấy đất làm gạch nên thửa đất có chỗ thủng vũng. Sau năm 2007 khi vợ chồng anh Dương ra ở trên thửa đất thì ông lại tiếp tục thuê xe chở đất để tân lấp được thửa đất như hiện nay. Toàn bộ tiền công tân lấp đất đều là do ông đứng ra lo liệu. Thửa đất năm 2011 đã được UBND huyện Quế Võ cấp sổ đỏ cho anh Dương, chị Tĩnh. Khi làm thủ tục cấp sổ ông có biết và ông có ý kiến là chỉ cấp cho mình anh Dương vì ông cũng đã không đồng ý cho anh Dương lấy chị Tĩnh. Lúc đó cán bộ địa phương có nói là phải đứng tên cả vợ chồng thì mới làm được nên ông cũng không có ý kiến gì nữa, sau này khi vợ chồng sử dụng và ở thì ông cũng không có ý kiến gì. Nay vợ chồng ly hôn, chị Tĩnh có yêu cầu chia nhà đất ông không nhất trí, ông không nhất trí chia đất cho chị Tĩnh, còn phần tài sản trên đất ông đề nghị cái gì của vợ chồng chia thì phải chuyển đi để trả đất cho vợ chồng ông.

Trong thời gian chuẩn bị xét xử, Tòa án đã tiến hành việc thẩm định, định giá tài sản có tranh chấp, kết quả như sau: Thửa đất số 337, tờ bản đồ địa chính số 10 đất dân cư thôn Mộ Đạo, xã Mộ Đạo có diện tích $391,1m^2$, đất có tứ cận hướng Tây giáp đường bê tông của thôn; hướng Bắc giáp nhà đất của hộ ông Nguyễn Văn Triển, hướng Nam giáp nhà đất của ông Nguyễn Đức Trung và hướng Đông giáp nhà đất của ông Nguyễn Dong. Thửa đất có giá 3.000.000 đồng/ m^2 , giá trị cả thửa đất là 1.173.300.000 đồng. Trên thửa đất nằm về hướng Đông bắc là 01 ngôi nhà trần 1 tầng (kiểu nhà ống) có diện tích $62,22m^2$, nhà trần có mi trần thò ra so với tường ở hướng Tây là 01m, ở hướng Nam là 0,7m, nhà có giá trị còn lại là 92.920.000 đồng; Giáp nhà trần về hướng Đông là nhà tắm, bếp, nhà vệ sinh liền nhau có diện tích $36,4m^2$ có giá trị 147.322.000 đồng; Trước cửa nhà tắm, nhà vệ sinh có sân gạch bỏ diện tích $15,65m^2$ có giá trị 2.378.800 đồng; Ở góc Tây bắc của thửa đất có 01 nhà lợp Plôximăng có diện tích $15,08m^2$ (nhà đã cũ nát bỏ hoang đương sự không yêu cầu định giá); Gianh giới với đường thôn là tường rào xây gạch có diện tích tổng thể là $24,8m^2$ có giá trị 2.869.000 đồng; Cổng sắt ở hướng Tây ra đường thôn có diện tích $7,2m^2$, có giá trị 2.000.000 đồng. Phần sân bata Hội đồng định giá xác định đã hết khấu hao không còn giá trị sử dụng. Các tài sản khác là cây cối lâm lộc trên đất và tài sản vật dụng sinh hoạt gia đình các đương sự không yêu cầu xem xét. Tổng giá trị tài sản định giá xác định được là 1.420.789.800 đồng.

Tại phiên tòa phía chị Tĩnh vẫn giữ yêu cầu khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn và phân chia tài sản chung. Chị thừa nhận khi làm ngôi nhà trần 01 tầng phía gia đình nhà chồng có hỗ trợ tiền để làm, việc làm cụ thể cũng chủ yếu do ông Thái đứng ra lo liệu nhưng đây là tài sản của vợ chồng chị mà gia đình đã tập chung vào làm. Vợ chồng chị đã sử dụng ngôi nhà khoảng 10 năm nay nên không thể nói là nhà của bố mẹ chồng được. Phía ông Thái và anh Dương vẫn cho rằng nhà đất là của ông Thái, không phải của vợ chồng và đề nghị không phân chia theo như yêu cầu của chị Tĩnh. Tại phiên tòa ông Thái khai năm 2011 khi địa phương tiến hành làm sổ đỏ thì chính ông là người đã đi làm các thủ tục kê khai đăng ký để vợ chồng anh Dương, chị Tĩnh đã được cấp sổ đỏ đối với thửa đất. Ông cũng cho rằng ông không đồng ý với việc có cả chị Tĩnh đứng tên trên sổ đỏ nhưng kể từ đó ông cũng không có khiếu

nại gì. Sổ đỏ hiện nay vẫn đứng tên người sử dụng là anh Nguyễn Dương và chị Nguyễn Thị Tĩnh.

Tại phiên tòa chị Tĩnh cũng trình bày vợ chồng có nợ anh Trần Văn Luật người thôn Tân Thịnh, xã Bồng Lai, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh số tiền 50.000.000 đồng, nợ tiền công làm công trình phụ năm 2016. Phía anh Dương trình bày có nợ anh Nguyễn Hữu Đông, sinh năm 1985 người thôn Mộ Đạo, xã Mộ Đạo số tiền 20.000.000 đồng. Nợ tiền mua vật liệu khi làm công trình phụ nhà Toán- Hân ở thị trấn Phố Mới số tiền 10.000.000 đồng và nợ Ngân hàng chính sách huyện Quế Võ (vay qua tổ vay vốn của thôn) số tiền 30.000.000 đồng từ tháng 6/2016. Phía chị Tĩnh, anh Dương không thống nhất được các khoản nợ này và có ý kiến đề nghị Tòa án xem xét.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quế Võ tiến hành tố tụng tại phiên tòa phát biểu ý kiến về vụ án: Về tố tụng, quá trình chuẩn bị xét xử cũng như tại phiên tòa, Thẩm phán, những người tiến hành tố tụng khác và các đương sự trong vụ án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, không có vi phạm phải kiến nghị khắc phục. Về giải quyết vụ án, thấy rằng mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mặc dù anh Dương không nhất trí ly hôn nhưng thấy rằng vợ chồng đã không còn tình cảm với nhau, đời sống chung không thể kéo dài nên cần chấp nhận yêu cầu của chị Tĩnh, đề nghị Hội đồng xét xử xử cho chị Tĩnh được ly hôn anh Dương. Về con chung giao cho chị Tĩnh được nuôi cháu Yến Nhi và cháu Yến Linh, anh Dương trực tiếp nuôi cháu Tuấn Anh. Anh Dương phải cấp dưỡng cùng với chị Tĩnh với mức 1.000.000 đồng/tháng đến khi con thành niên. Về tài sản chung, có căn cứ để xác định khối tài sản đã thẩm định, định giá là tài sản chung của vợ chồng. Thửa đất cũng có căn cứ để xác định là tài sản chung của vợ chồng nhưng xác định có nguồn gốc là của gia đình ông Thái cho vợ chồng nên khi phân chia cần phân chia cho anh Dương được sử dụng phần hơn. Cụ thể anh Dương được hưởng 2/3 giá trị, chị Tĩnh được sử dụng 1/3 giá trị. Đối với tài sản khác chia cho anh Dương và chị Tĩnh mỗi người được sử dụng 1/2 giá trị tài sản. Về phần phân chia cần chấp nhận yêu cầu của chị Tĩnh được hưởng tài sản bằng tiền, anh Dương sử dụng số tài sản bằng hiện vật. Đối với khoản nợ mà tại phiên tòa các bên có trình bày, khoản nợ này trong thời gian chuẩn bị xét xử cả chị Tĩnh và anh Dương đều không khai gì nên không xem xét giải quyết tại phiên tòa được mà tách ra khi nào bên chủ nợ có yêu cầu sẽ được giải quyết bằng vụ kiện khác. Về án phí, chị Tĩnh phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm, anh Dương phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con chung. Chị Tĩnh, anh Dương phải chịu án phí chia tài sản chung theo quy định của pháp luật tương ứng với số tiền được phân chia. Tiền chi phí thẩm định, định giá tài sản chị Tĩnh, anh Dương mỗi người phải chịu 1/2 chi phí.

Từ nội dung trên:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Chị Nguyễn Thị Tĩnh kết hôn với anh Nguyễn Dương (tên gọi khác Nguyễn Bình Dương) vào tháng 5/2004, kết hôn do tự nguyện và có đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã Mộ Đạo, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh nên đây là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn vợ chồng vợ chồng về chung sống hạnh phúc và cũng đã có 03 con chung với nhau, sau đó tình cảm vợ chồng cũng đã dần có mâu thuẫn. Phía chị Tĩnh trình bày vợ chồng cũng thường xuyên có mâu thuẫn với nhau mà nguyên nhân do anh Dương không quan tâm đến đời sống vợ chồng, anh Dương đối xử với chị cực cần, độc đoán và bạo lực với chị đã làm cho tình cảm vợ chồng ngày càng bị sút mẻ, vợ chồng dần không còn tình cảm với nhau. Phía anh Dương không thừa nhận vợ chồng có mâu thuẫn như chị Tĩnh đã trình bày, anh cho rằng vợ chồng tuy cũng có mâu thuẫn nhưng không lớn đến mức vợ chồng phải ly hôn. Trong thời gian chuẩn bị xét xử, Tòa án cũng đã tiến hành xác minh mâu thuẫn giữa vợ chồng thì được gia đình cũng như địa phương nơi chị Tĩnh, anh Dương cư trú xác nhận vợ chồng đã có mâu thuẫn với nhau từ đã lâu, vợ chồng thường xuyên xảy ra đánh cãi chửi nhau, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng. Tại phiên tòa chị Tĩnh xác định vợ chồng mâu thuẫn đã trầm trọng và kéo dài, cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc nên vẫn cương quyết đề nghị ly hôn. Thấy rằng mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống hôn nhân của vợ chồng không còn hạnh phúc, mục đích của hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu của chị Tĩnh, xử cho chị Tĩnh được ly hôn anh Dương.

Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung là các cháu Nguyễn Thị Yến Nhi, sinh ngày 01/2/2006, cháu Nguyễn Tuấn Anh, sinh ngày 16/10/2007 và cháu Nguyễn Thị Yến Linh, sinh ngày 14/12/2011. Hiện nay do chị Tĩnh, anh Dương vẫn chung sống nên các cháu vẫn ở với bố mẹ. Ly hôn cả chị Tĩnh và anh Dương đều có nguyện vọng được nuôi con chung. Thấy rằng hiện nay chị Tĩnh đang có công việc làm ổn định với mức lương khoảng 10.000.000 đồng/tháng nên cũng có điều kiện để nuôi con chung. Phía anh Dương mặc dù không chứng minh được nguồn thu nhập thường xuyên nhưng anh xác định anh đi làm thu nhập cũng đủ điều kiện để nuôi con chung. Do các con chung đều có nguyện vọng được ở với mẹ nhưng nếu giao cho chị Tĩnh được trực tiếp nuôi cả ba con chung thì sẽ không đảm bảo được quyền được nuôi con của anh Dương. Do vậy Hội đồng xét xử thấy rằng cần giao cho chị Tĩnh được trực tiếp nuôi cháu Yến Nhi và cháu Yến Linh, anh Dương được trực tiếp nuôi cháu Tuấn Anh là phù hợp. Về việc cấp dưỡng nuôi con chung anh Dương phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng với chị Tĩnh với mức 1.000.000 đồng/tháng kể từ tháng 10/2018 đến khi hai cháu Yến Linh, Yến Nhi đủ tuổi thành niên.

Về tài sản chung: Hiện vợ chồng đang sử dụng thửa đất số 337, tờ bản đồ địa chính số 10 đất thôn Mộ Đạo, xã Mộ Đạo, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh. Thửa đất này đã được UBND huyện Quế Võ cấp sổ đỏ mang tên chị Tĩnh, anh Dương từ năm 2011 với diện tích 391.1m². Về nguồn gốc thửa đất cả chị Tĩnh, anh Dương và ông Thái đều xác định thửa đất có nguồn gốc là đất của các cụ đời trước để lại cho vợ chồng ông Thái, sau đó đến năm 2005 khi vợ chồng anh Dương, chị Tĩnh ra ở riêng, gia đình ông Thái đã cho vợ chồng sử dụng thửa đất từ đó đến bây giờ. Trong thời gian kể từ năm 2005 sau khi được gia đình cho ra ở riêng, vợ chồng đã làm nhà cùng các công trình phụ trợ vào khoảng năm 2008- 2009, sau đó đến năm 2016 vợ chồng

lại tiếp tục làm công trình phụ gồm bếp, nhà ăn, nhà tắm, nhà vệ sinh trên thửa đất nhưng phía gia đình ông Thái cũng không có ý kiến phản đối gì và vẫn chấp nhận để vợ chồng xây dựng và sử dụng thửa đất. Ông Thái cũng ở liền kề với thửa đất của vợ chồng và biết cũng như ông khai là còn đứng ra sắp xếp việc làm nhà của vợ chồng. Việc ông Thái không đồng ý cho vợ chồng sử dụng đất chỉ đến thời điểm vợ chồng ly hôn ông mới có ý kiến. Vợ chồng chị Tĩnh, anh Dương sử dụng thửa đất đến trước thời điểm vợ chồng ly hôn không có tranh chấp gì, không có tranh chấp với vợ chồng ông Thái, bà Mùi. Tại thời điểm năm 2011 khi địa phương tiến hành việc lập hồ sơ cấp sổ đỏ cho các hộ gia đình trong thôn, bản thân ông Thái cũng thừa nhận ông là người trực tiếp đi làm thủ tục kê khai đăng ký để anh Dương được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ông trình bày không đồng ý để chị Tĩnh đứng tên trên sổ đỏ nhưng sổ đỏ được cấp đứng tên anh Dương, chị Tĩnh thì ông cũng đã không có khiếu nại gì về việc này. Vợ chồng chị Tĩnh, anh Dương sử dụng đất ổn định từ năm 2005 đến nay, đất đã được UBND huyện Quế Võ chứng nhận cho chị Tĩnh, anh Dương được quyền sử dụng đất nên theo quy định tại Án lệ số 03/2016/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua và được công bố theo quyết định số 220/QĐ-CA ngày 6/4/2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao đã quy định *“Trường hợp cha mẹ đã cho vợ chồng người con một diện tích đất và vợ chồng người con đã xây dựng nhà kiên cố trên diện tích đất đó để làm nơi ở, khi vợ chồng con xây dựng nhà thì cha mẹ và những người khác trong gia đình không có ý kiến phản đối gì; vợ chồng người con đã sử dụng nhà đất liên tục, công khai, ổn định và đã tiến hành việc kê khai đất, được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì phải xác định vợ chồng người con đã được tặng cho quyền sử dụng đất”*. Như vậy có căn cứ để xác định quyền sử dụng của chị Tĩnh, anh Dương đối với thửa đất số 337, tờ bản đồ số 10 đất thôn Mộ Đạo, xã Mộ Đạo và đây là tài sản chung của vợ chồng để phân chia khi ly hôn.

Đối với phần tài sản trên đất gồm 01 ngôi nhà 01 tầng kiểu nhà ống mà vợ chồng đang ở cùng với phần tường rào, cổng ngõ, sân gạch theo các bên đương sự xác nhận được làm từ những năm 2008- 2009. Phía ông Thái cho rằng việc xây dựng lúc đó là do ông đứng ra làm, vợ chồng sau đó chỉ có trát nhà và hoàn thiện nội thất. Phía chị Tĩnh thì cho rằng việc xây dựng nhà ở là do vợ chồng chị đứng ra xây dựng nhưng cũng có sự hỗ trợ từ gia đình ông Thái. Các đương sự trình bày nhưng cũng không có căn cứ nào để chứng minh cho việc tự mình đứng ra lo liệu việc xây nhà. Thấy rằng vợ chồng chị Tĩnh, anh Dương đã ra ở riêng từ những năm 2005 đến nay, vợ chồng ở riêng, kinh tế riêng biệt không phụ thuộc vào gia đình nhà chồng. Việc làm nhà có thể có sự đóng góp của gia đình nhưng đây cũng là tập quán của phần lớn các gia đình ở nông thôn, khi con cái ra ở riêng thì cả gia đình tập chung vào xây dựng nhà cửa để cho con ở riêng mà không xác định là cho vay, cho mượn. Do vậy cần xác định khối tài sản gồm 01 ngôi nhà trên 01 tầng cùng với một số công trình phụ trợ là tài sản chung của vợ chồng anh Dương, chị Tĩnh chứ không phải là tài sản của vợ chồng ông Thái như ông Thái đã xác định. Đối với công trình phụ là nhà bếp, nhà vệ sinh, nhà tắm xây dựng năm 2016 những tài sản này các đương sự đều xác định là tài sản chung của vợ chồng chị Tĩnh, anh Dương để phân chia.

Xem xét việc phân chia tài sản chung của vợ chồng, Hội đồng xét xử thấy rằng: Đối với thửa đất mặc dù đã được UBND huyện Quế Võ xác nhận quyền sử dụng đất cho chị Tĩnh, anh Dương nhưng thửa đất có nguồn gốc là của ông Thái, bà Mùi do các đời trước để lại nên khi phân chia cần xem xét đến nguồn gốc thửa đất, chia cho anh Dương được sử dụng phần giá trị lớn hơn so với chị Tĩnh. Cụ thể, thửa đất được chia làm 3 phần, chia cho anh Dương được 02 phần và chia cho chị Tĩnh được 01 phần. Đối với khối tài sản nhà ở và các công trình xây dựng trên đất được chia đôi, chị Tĩnh anh Dương mỗi người được $\frac{1}{2}$ giá trị sử dụng.

Cụ thể việc phân chia như sau: Thửa đất có trị giá 1.173.300.000 đồng được chia làm 3 phần, chị Tĩnh được chia $\frac{1}{3}$ giá trị có trị giá là 391.100.000 đồng. Anh Dương được chia $\frac{2}{3}$ có trị giá là 782.200.000 đồng. Đối với phần tài sản là nhà, công trình phụ và các công trình phụ trợ khác có giá trị là 247.489.800 đồng, mỗi người được chia phần giá trị bằng $\frac{1}{2}$ là 123.744.900 đồng. Do chị Tĩnh thấy rằng không thể tiếp tục ở trên nhà đất này được nên có đề nghị được chia bằng tiền nên xử giao cho anh Dương được sử dụng toàn bộ phần diện tích đất và được sở hữu toàn bộ phần nhà ở, công trình xây dựng trên đất nhưng phải trích trả chị Tĩnh số tiền là 391.100.000 đồng + 123.744.900 đồng = 514.844.900 đồng.

Về án phí, chi phí tố tụng khác: Về án phí; Chị Tĩnh phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm, anh Dương phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con chung. Án phí chia tài sản chung các đương sự phải chịu án phí trên số tài sản được phân chia, chị Tĩnh phải chịu án phí tương ứng với số tiền được nhận là 514.844.900 đồng. Anh Dương phải chịu án phí tương ứng với số tài sản được phân chia trị giá là 905.944.900 đồng. Về chi phí thẩm định, định giá tài sản; Chị Tĩnh, anh Dương mỗi người phải chịu $\frac{1}{2}$ số tiền chi phí thẩm định, định giá tài sản tương ứng với mỗi người phải chịu là 2.150.000 đồng. Xác nhận chị Tĩnh đã tạm ứng số tiền 4.300.000 đồng, anh Dương phải hoàn trả chị Tĩnh số tiền 2.150.000 đồng.

Đối với các khoản nợ của vợ chồng mà chị Tĩnh, anh Dương khai tại phiên tòa gồm; Nợ anh Trần Văn Luật người thôn Tân Thịnh, xã Bồng Lai, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh số tiền 50.000.000 đồng tiền công làm công trình phụ năm 2016; nợ anh Nguyễn Hữu Đông, sinh năm 1985 người thôn Mộ Đạo, xã Mộ Đạo số tiền 20.000.000 đồng; nợ tiền mua vật liệu khi làm công trình phụ nhà Toán- Hân ở thị trấn Phố Mới số tiền 10.000.000 đồng và nợ Ngân hàng chính sách huyện Quế Võ (vay qua tổ vay vốn của thôn) số tiền 30.000.000 đồng từ tháng 6/2016. Đối với các khoản nợ này trong thời gian chuẩn bị xét xử chị Tĩnh và anh Dương không trình bày gì, hai bên không có ý kiến gì tại các phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải mà chỉ đến phiên tòa mới khai. Do vậy Hội đồng xét xử tách ra mà không xem xét giải quyết trong vụ án này, trường hợp sau này nếu phía các chủ nợ có yêu cầu đòi nợ thì sẽ được giải quyết bằng những vụ án khác và người có quyền lợi vẫn được đảm bảo quyền lợi theo quy định tại Điều 60 Luật hôn nhân và gia đình cũng như các quy định của pháp luật dân sự khác.

Bởi các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng Điều 56, Điều 59, Điều 60, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình. Án lệ số 03/2016/AL được Hội đồng Thẩm phán TANDTC thông qua và được công bố theo Quyết định số 220/QĐ-CA ngày 6/4/2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án; tuyên xử.

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Nguyễn Thị Tĩnh được ly hôn anh Nguyễn Dương (tên gọi khác Nguyễn Bình Dương).

2. *Về con chung*: Giao cho chị Tĩnh được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung là các cháu Nguyễn Thị Yến Nhi, sinh ngày 01/2/2006 và cháu Nguyễn Thị Yến Linh, sinh ngày 14/12/2011. Giao cho anh Dương được trực tiếp nuôi cháu Nguyễn Tuấn Anh, sinh ngày 16/10/2007. Anh Dương phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng với chị Tĩnh với mức 1.000.000 đồng/tháng kể từ tháng 10/2018 đến khi hai cháu Yến Linh, Yến Nhi đủ tuổi thành niên. Người không trực tiếp nuôi con chung có quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở việc thực hiện quyền này.

3. *Về tài sản chung*: Xác nhận khối tài sản chung của vợ chồng để phân chia bao gồm: Giá trị thửa đất số 337, tờ bản đồ địa chính số 10, đất thôn Mộ Đạo, xã Mộ Đạo, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh; Giá trị phần tài sản xây dựng trên đất gồm 01 ngôi nhà trần 01 tầng kiểu nhà ống; 01 ngôi nhà nhỏ lợp Plôximawng; tường bao; sân gạch; cổng ngõ; công trình phụ liền kề gồm nhà bếp, nhà tắm, nhà vệ sinh có tổng giá trị là 1.420.789.800 đồng.

Chia cho anh Nguyễn Dương được sở hữu toàn bộ khối tài sản của vợ chồng bao gồm: Quyền sử dụng thửa đất số 337, tờ bản đồ địa chính số 10, đất thôn Mộ Đạo, xã Mộ Đạo, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh có diện tích 391.1m²; 01 ngôi nhà nhỏ lợp Plôximawng; 01 ngôi nhà trần 01 tầng kiểu nhà ống; 01 khu công trình phụ bao gồm nhà bếp, nhà tắm, nhà vệ sinh; diện tích sân gạch; tường bao; cổng ngõ nhưng phải trích trả chị Tĩnh số tiền do được sử dụng tài sản là 514.844.900 đồng. Chị Tĩnh được nhận số tiền 514.844.900 đồng do anh Dương trích trả.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án bên phải thi hành còn phải chịu lãi suất theo lãi suất được quy định tại Điều 468 của Bộ Luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

* *Về án phí*: Chị Nguyễn Thị Tĩnh phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm và 24.593.000 đồng tiền án phí dân sự chia tài sản chung. Số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí ly hôn và 12.500.000 đồng tạm ứng án phí dân sự mà chị Tĩnh đã nộp theo biên lai thu số 0002554 ngày 26/02/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quế Võ được trừ vào số tiền án phí mà chị Tĩnh phải chịu. Anh Dương phải chịu 300.000 đồng tiền án phí cấp dưỡng nuôi con chung và 39.178.000 đồng tiền án phí chia tài sản chung.

Chị Tĩnh, anh Dương mỗi người phải chịu 2.150.000 đồng tiền chi phí thẩm định, định giá tài sản. Xác nhận chị Tĩnh đã tạm ứng số tiền 4.300.000 đồng, anh Dương phải hoàn trả chị Tĩnh số tiền 2.150.000 đồng.

Trường hợp quyết định, bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Chị Tĩnh, anh Dương, ông Thái, bà Mùi (bà Mùi do ông Thái đại diện) có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận

- TAND tỉnh Bắc Ninh.
- VKSND huyện Quế Võ.
- Chi cục THADS huyện Quế Võ.
- UBND xã Mộ Đạo, Quế Võ.
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Sỹ Cây